

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN
SỐ 1961

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT
BẢN

SỐ 1961

LỜI TỰA

TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

*Đời Tống, Dương Kiệt hiệu
Vô Vi Tử kính soạn.*

Từng nghe: Ái tâm chẳng nhiễm nặng chẳng sinh Ta-bà, niệm Phật chẳng chuyên nhất chẳng về Tịnh độ. Ta-bà là chốn ứế độ, Cực lạc là miền Tịnh độ. Thọ mạng của cõi Ta-bà có hạn lượng, thọ mạng ở cõi Cực lạc thì vô cùng. Cõi Ta-bà đủ các khổ não, miền Cực lạc tìm cái khổ chẳng có. Ta-bà tùy nghiệp mà luân chuyển tam đồ, cõi Cực lạc một khi được sinh thì vĩnh viễn chứng Vô sinh pháp nhẫn. Nếu muốn hóa độ chúng sinh, thì tùy ý tự tại, hoàn toàn không bị nghiệp hoặc buộc ràng. Xét sơ qua hai cõi, các sự sinh tử, phiền não an vui; tịnh ứế, thọ lượng mãi vốn sai khác. Như thế mà chúng sinh lại mê mờ không hiểu, thật đáng thương thay!

Đức Phật A-di-đà là Bạc Giáo Chủ tiếp dẫn

chúng sinh ở cõi Tịnh độ. Đức Thích-ca là bậc đạo sư chỉ đạo Tịnh độ ở thế giới Ta-bà. Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí là hai bậc phụ trợ Phật tuyên dương hóa độ. Do đó, trong các kinh điển một đời thuyết pháp của Đức Thích-ca, phần nhiều đều ân cần khuyến khích chúng sinh phát nguyện vãng sinh Cực lạc. Đức A-di-đà và hai vị Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí cùng chèo thuyền đại nguyện, vào biển sinh tử, chằng trụ bờ bên này, chằng trụ bờ bên kia, chằng trụ ở giữa dòng, duy chỉ lấy việc tế độ chúng sinh, lấy đó làm Phật sự.

Trong kinh A-di-đà nói: “Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ, nghe nói danh hiệu Phật A-di-đà, chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày cho đến bảy ngày, một lòng không loạn, thời khi lâm chung, Phật A-di-đà cùng với Thánh chúng, hiện thân ra trước mặt, người đó lúc bấy giờ tâm không điên đảo, liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc.” Kinh A Di Đà nói: “Chúng sinh mười phương nghe danh hiệu ta, nghĩ tưởng quốc độ ta, rồi gieo trồng các cội đức, hết lòng hồi hướng nguyện sinh về nước ta. Nếu chẳng được vãng sinh, ta nguyện không thành chánh giác.” Vì thế, ở viện Vô Thường tại tịnh xá Kỳ-hoàn, Đức Phật dạy người bệnh dạy mặt về hướng Tây, khởi lòng mong cầu vãng sinh Cực lạc. Do vì ánh sáng của Đức Phật A-di-đà rọi chiếu khắp pháp giới, nhiếp

lấy mọi chúng sinh niệm Phật không bỏ. Bởi vì Thánh phàm đều đồng một thể, cơ cảm có sự tương ứng. Chúng sinh trong tâm chư Phật, nơi nào đều là Cực lạc. Tịnh độ cũng trong tâm chúng sinh, niệm niệm đều là Di-đà.

Lấy lý này để quan sát: Thờ người có trí tuệ dễ vắng sinh, bởi tâm không còn nghi hoặc. Người thiên định dễ vắng sinh, bởi tâm không còn tán loạn. Người trì giới dễ vắng sinh, bởi tâm lìa các ô nhiễm. Người bố thí dễ vắng sinh, bởi tâm không còn ngã chấp. Người nhân nhục dễ vắng sinh, bởi tâm không còn sân nhuế. Người tinh tấn dễ vắng sinh, bởi tâm không còn thoái chuyển. Người không làm thiện, không làm ác dễ vắng sinh, bởi tâm dễ chuyên nhất. Người tạo các nghiệp ác khi nghiệp báo đã phát hiện dễ vắng sinh vì sinh tâm hổ thẹn, khiếp sợ. Trong đây chỉ có hạng người không có tâm chí thành, tâm tin tưởng, không có tâm hồi hướng phát nguyện; hạng người này thì không thể liệt vào hàng Thượng phẩm thượng sinh.

Ôi danh hiệu Phật A-di-đà rất dễ niệm, cảnh Tịnh độ rất dễ sinh. Chúng sinh không chịu niệm Phật, không muốn cầu sinh, dầu Phật có xót thương cũng đành cam chịu. Xét người tạo các nghiệp ác, đọa vào đường dữ, phát tâm niệm Phật Di-đà, thời quyết được vắng sinh. Hai điều

này đều do Phật nói. Người thế gian sợ đọa địa ngục mà nghi ngờ vãng sinh, há chẳng mê lầm ư?

Kể từ đời Tấn, pháp sư Huệ Viễn cùng với các vị cao sĩ đương thời như Lưu Di Dân kết Bạch Liên xã ở Lô sơn, hết lòng tinh tấn tu pháp môn này. Từ đó đến khoảng bảy trăm năm về sau, kẻ tăng người tục tu theo pháp môn niệm Phật, thâm hoạch được sự lợi ích, không sao kể xiết. Những sự cảm ứng đó, đã được ghi lại một cách đầy đủ trong các bộ truyện ký của Tịnh độ, há đây là luông dối ư?

Nhưng xưa nay, trong các sách tán thán, luận giải về giáo nghĩa Tịnh độ, chất cao như núi, thì có bộ Thập Nghi Luận của Thiên Thai Trí Giả Đại sư là rốt ráo hơn hết. Đại sư đã dẫn các lời Thánh, để dẹp tan các mối nghi lầm. Ví như nhà tối vạn năm, một khi mặt trời mọc thì bóng tối tự mất. Ví như biển rộng muôn trùng, nhưng trong tay có thuyền rồi thì ngại gì không đến bến. Đại sư nếu không phải là thân sau của Di-đà, thì làm sao có thể soạn được như thế. Kiệt tôi xem qua các bộ, may mắn gặp được bộ này. Đọc đến chỗ nào không thể không sinh tin tưởng. bản thân đang gặp hoạn nạn, mà cảm ngộ sự ích lợi vô cùng, muốn đem sự lợi ích này truyền rộng nhân gian, do đó bèn viết lời tựa.

SỐ 1961

TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

*Đời Tùy, đại sư Trí Giả ở núi
Thiên Thai soạn.*

NGHI VẤN THỨ NHẤT

Hỏi: Chư Phật, Bồ-tát đều lấy tâm từ bi làm sự nghiệp. Vậy chúng ta muốn phát tâm cứu độ chúng sinh, thì nên nguyện sinh vào cõi ngũ trược ác thế trong tam giới để cứu khổ chúng sinh. Tại sao người tu hành lại cầu sinh Tịnh độ cầu an tự thân mà bỏ chúng sinh. Người tu như thế có phải là không có tâm đại Bi, chỉ cầu sự an ổn tự thân, chướng ngại con đường Bồ-đề chăng?

Đáp: Bồ-tát có hai hạng. Thứ nhất là người tu Bồ-tát đạo đã lâu, tự thân đã chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, với những vị Bồ-tát như thế, chúng ta đem lời đó quả trách là đúng. Nhưng còn hạng thứ hai là những vị Bồ-tát chưa chứng Vô sinh pháp nhẫn và các chúng sinh phàm phu mới phát tâm; với các vị này, cần nên không xa lìa Phật, cho

đến khi thành tựu Vô sinh pháp nhẫn mới kham nổi việc vào trong tam giới, ở trong ác thế cứu khổ chúng sinh. Vì thế, trong luận Đại Trí Độ nói: “Hàng phàm phu cụ phước, cho dù có tâm đại Bi, mà muốn sinh vào cõi ác thế, để cứu khổ chúng sinh, không bao giờ làm được. Tại sao? Vì ở thế giới ác, phiền não rất lẫy lừng, khi bản thân mình chưa đủ sức kham nhẫn, thì sẽ bị cảnh chuyển, rồi bị thanh sắc ràng buộc. Bản thân đã đọa vào tam đồ, thử hỏi làm sao có thể cứu khổ chúng sinh. Giả sử có được sinh vào loài người, thì Thánh đạo khó chứng. Hoặc nhân có bố thí, trì giới, tu phước, hiện đời được làm quốc vương, đại thần giàu sang. Do phước nghiệp này, dù có gặp được Thiện tri thức khuyên bảo, cũng khó chịu tin theo, rồi tham mê phóng túng, tạo vô số tội ác. Vì nghiệp ác này, đến khi chết đọa vào Tam đồ, trải qua vô lượng kiếp, khi ra khỏi địa ngục, lại phải thọ thân bần tiện, nếu không gặp được bậc Thiện tri thức khuyên bảo, thời đọa lại vào địa ngục. Đa phần chúng sinh từ trước đến nay luân hồi đều ở trong tình trạng này. Đây gọi là nan hành đạo.”

Vì vậy, *kinh Duy-ma nói*: “Bệnh mình không thể cứu, làm sao có thể cứu bệnh người khác.” Luận Đại Trí Độ nói: Ví như có hai người, bản thân đều có người thân đang chìm dưới nước.

Một người tính nóng nảy, vội nhảy xuống nước để cứu, vì không có phương tiện cho nên cả hai đều bị cuốn chìm. Người kia có phương tiện, dùng thuyền bơi ra cứu, cho nên cả hai được sống sót. Bồ-tát mới phát tâm, do chưa có sức kham nhẫn, nên không thể cứu độ chúng sinh. Vì thế, các vị đó phải thường thân cận chư Phật, đến khi chứng được Vô sinh pháp nhẫn rồi, mới có thể cứu khổ chúng sinh. Cũng như người sau trong tay đã có thuyền mới có thể cứu được người thân đang bị nước cuốn. Lại trong luận Đại Trí Độ nói: “Ví như trẻ thơ, không thể xa rời mẹ. Nếu xa rời mẹ ắt rơi xuống hầm, giếng, khát sữa mà chết. Lại như chim non, khi chưa đủ lông cánh, chỉ nên nương cây chuyền cành, không thể bay xa. Một mai lông cánh đã đầy đủ, mới có thể tự tại bay giữa hư không, không có chướng ngại. Hạng phàm phu khi chưa thành tựu sức kham nhẫn, chỉ nên chuyên trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà, đến khi chứng đắc Tam-muội, thành tựu tịnh nghiệp, thời lâm chung chánh niệm vãng sinh, không có gì phải nghi ngờ. Lúc thấy được Phật A-di-đà, chứng được Vô sinh pháp nhẫn rồi, bèn trở lại Tam giới, cưỡi thuyền vô sinh nhẫn, cứu khổ chúng sinh, rộng làm vô biên Phật sự, mặc sức tự tại.”

Nên luận nói: Vì thế, hành giả muốn giáo hóa

chúng sinh trong địa ngục, thì phải nguyện sinh về cõi Cực lạc. Hành giả sau khi vãng sinh về Cực lạc, chứng Vô sinh pháp nhẫn rồi, bèn trở lại trong sinh tử, giáo hóa các chúng sinh đang thọ khổ trong địa ngục. Bởi nhân duyên hóa độ như thế mà hành giả cần chú ý cầu sinh Tịnh độ. Điều này trong Luận Tỳ-bà-sa gọi là dị hành đạo.

NGHI VẤN THỨ HAI

Hỏi: Thể của các pháp là không, xưa nay vốn vô sinh, bình đẳng tịch diệt. Nay lại bỏ Ta-bà mà cầu sinh Tây phương Tịnh độ, há không trái với bình đẳng ư? Lại trong kinh Duy-ma nói: “Muốn cầu về Tịnh độ, trước phải tịnh tâm. Khi tâm đã tịnh rồi, thì cõi Phật thanh tịnh.” Người cầu sinh Tịnh độ, đối với lý này làm sao thông?

Đáp: Trả lời câu hỏi trên, thời có hai cách, là tổng đáp và biệt đáp.

Tổng đáp là, nếu ông cho rằng, người cầu sinh Tây phương Tịnh độ là bỏ đây cầu kia, không hợp với lý bình đẳng, thời ông chấp vào Ta-bà mà không cầu sinh Tây phương, cũng là bỏ kia cầu đây. Việc này cũng là bệnh, là hoàn toàn không hợp với lý bình đẳng? Lại nếu ông nói: “Tôi không cầu sinh Cực lạc, cũng không cầu sinh Ta-bà.” Nói như thế ắt rơi vào lỗi đoạn diệt. Do đó, kinh Kim cang Bát-nhã nói: “Này Tu-bồ-đề, nếu ông nghĩ rằng phát tâm A-nậu-đa-la Tam-

miệu Tam- bồ-đề là đoạn diệt tướng các pháp, chớ nên nghĩ như thế. Vì có sao? Vì phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đối với các pháp không nói tướng đoạn diệt.”

Biệt đáp là, xét lý bất sinh bất diệt. Bất sinh là ở trong duyên sinh, các pháp hòa hợp cho nên không có pháp tự tánh. Tìm nơi thể sinh thì không thể được. Vì thể sinh và thời gian sinh vốn không thật có, cho nên gọi là bất sinh. Bất diệt là khi các pháp hoại diệt, cũng không có tự tánh cho rằng mình hoại diệt. Thể diệt và thời gian diệt cũng không có chỗ nương về, cho nên gọi là bất diệt. Đừng cho rằng ngoài nhân duyên sinh lại còn có bất sinh bất diệt. Vì thế chẳng phải không cầu sinh Tịnh độ mà nói vô sinh.

Do đó trong luận Trung Quán nói: “Nhân duyên sinh các pháp, ta nói tức là không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi là trung đạo.” Lại luận còn nói: “Các pháp vốn không phải tự sinh, cũng không phải tha sinh, cũng không phải cộng sinh, cũng không phải vô nhân sinh, cho nên gọi là vô sinh.” Trong kinh Duy-ma nói: “Tuy biết các cõi Phật, cùng chúng sinh vốn không, mà thường tu Tịnh độ, để giáo hóa chúng sinh.” Lại kinh còn nói: “Thí như người tạo lập cung điện, nếu xây cất ở chỗ đất trống, thời mặc sức không chướng ngại. Còn bằng xây cất giữa hư không, rốt cùng

không thể tạo thành. Chư Phật trong khi thuyết pháp cũng thế, thường nương nhị đế, không hoại giả danh mà thuyết thật tướng các pháp.” Kẻ trí sớm biết cầu sinh về Tịnh độ, mà thấu rõ thể vốn không thật có, đó mới thật là chân vô sinh và cũng nghĩa là tâm tịnh tức cõi Phật tịnh.

Trái lại, kẻ ngu bị cái sinh ràng buộc, nghe nói sinh thì cho là có sinh, nghe nói vô sinh thì cho là không có sinh, mà không biết rằng sinh tức là vô sinh, vô sinh cũng tức là sinh. Vì không thấu triệt được lý này, mà kẻ ngu thường khởi tướng thị phi, tranh chấp với người cầu sinh Tịnh độ, đây quả là sai lầm! Đó chính là hạng tội nhân phỉ báng chánh pháp, là hạng tà kiến ngoại đạo.

NGHI VẤN THỨ BA

Hỏi: Tất cả cõi Tịnh độ của chư Phật mười phương, pháp tánh vốn bình đẳng, công đức cũng như thế. Người tu cần nhớ tưởng khắp mọi công đức, cầu sinh tất cả cõi Tịnh độ. Nay lại chỉ riêng cầu cõi Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà, như thế với lý tánh bình đẳng cầu sinh có trái nhau không?

Đáp: Tất cả cõi Tịnh độ của chư Phật trong mười phương, thật ra đều bình đẳng. Nhưng vì căn tánh chúng sinh phần nhiều ám độn, trược loạn, nếu chúng sinh không buộc tâm riêng vào một cảnh, thì Tam-muội khó thành. Chúng sinh

chuyên trì danh hiệu Đức Phật A-di-đà, đó là tu Nhất tướng Tam-muội. Vì tâm chuyên nhất, cho nên được vãng sinh về cõi Tịnh độ. Điều này trong kinh Tùy Nguyên Vãng Sinh có nói: “Bấy giờ Bồ-tát Phổ Quảng hỏi Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Mười phương thế giới đều có Tịnh độ, tại sao Ngài chỉ tán thán cõi Tịnh độ ở phương Tây và khuyên chúng sinh chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà để được sinh về nước đó?”

Phật bảo Bồ-tát Phổ Quảng: Do chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề, phần nhiều tâm tánh trược loạn, vì thế mà Ta chỉ riêng tán thán một cõi Tịnh độ ở phương Tây, khiến chúng sinh chuyên tâm vào một cảnh, ắt dễ vãng sinh. Nếu niệm chung tất cả chư Phật, cảnh niệm Phật rộng thì tâm tản mạn, Tam-muội khó thành. Lại cầu công đức một vị Phật cùng cầu công đức tất cả chư Phật đều không sai khác, bởi vì tất cả chư Phật đồng một pháp tánh. Cho nên người nào niệm Di-đà là niệm tất cả chư Phật, sinh một cõi Tịnh độ là sinh tất cả Tịnh độ. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: “Thân tất cả chư Phật tức là thân một Đức Phật, lực nhất tâm và trí tuệ, vô úy cũng vậy. Lại ví như trăng tròn sáng, in bóng khắp sông hồ, ánh trăng tuy vô cùng, mặt trăng chưa từng hai. Như đấng Vô Ngại Trí, thành bậc đẳng chánh giác, ứng hiện khắp tất cả, thân Phật không có hai.”

Kẻ trí có thể nương nơi ví dụ này mà thấu hiểu tất cả ánh trăng chỉ là một ánh trăng. Một ánh trăng tức là tất cả ánh trăng. Một vị Phật là tất cả vị Phật, tất cả vị Phật tức là một vị Phật. Khi hiểu được lý này thì niệm một vị Phật, tức niệm tất cả các vị Phật.

NGHI VẤN THỨ TƯ

Hỏi: Nếu như nhớ nghĩ cầu sinh về Tịnh độ một Đức Phật, sao không trong các cõi Tịnh độ của chư Phật mười phương, tùy ý niệm Tịnh độ của một Đức Phật nào thì nguyện vãng sinh, có sao lại chỉ niệm riêng một Đức Phật A-di-đà?

Đáp: Chúng ta là kẻ phàm phu vô trí, không thể tự tiện mà phải vâng theo lời Phật dạy, vì thế nên riêng niệm Đức Phật A-di-đà. Thế nào là vâng theo lời Phật dạy?

Một đời thuyết pháp của Đức Phật Thích-ca, xem khắp tất cả Thánh giáo, chỉ khuyên chuyên tâm niệm Đức Phật A-di-đà, cầu sinh về thế giới Tây phương Cực lạc, như trong các kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, luận Vãng Sinh... có hơn mấy mươi bộ kinh luận, đều ân cần khuyên chúng sinh phát nguyện cầu sinh về Tây phương.

Lại riêng đức Phật A-di-đà có bốn mươi tám điều nguyện lực đại bi để tiếp dẫn chúng sinh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Đức Phật A-di-

đà có tám vạn bốn ngàn tướng hảo, mỗi tướng hảo có tám vạn bốn ngàn tùy hình, mỗi tùy hình có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, chiếu khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sinh niệm Phật không rời bỏ. Nếu chúng sinh nào phát tâm niệm Phật, thì cơ cảm tương ứng, quyết định sẽ được vãng sinh về Tịnh độ.” Lại trong các kinh như kinh A-di-đà, kinh Đại Vô Lượng Thọ, kinh Cổ Âm Vương Đà-la-ni... đều nói: “Khi Đức Phật Thích-ca thuyết kinh này rồi, có hằng sa chư Phật ở mười phương, hiện tướng lưỡi rộng dài, trải khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, để chứng lời thành thật rằng: Nếu có chúng sinh nào trì niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, nương vào nguyện lực đại bi của Phật, quyết định sẽ được vãng sinh về thế giới Cực lạc.”

Nên biết, Đức A-di-đà với thế giới Ta-bà này vốn có nhân duyên với nhau. Làm sao có thể biết được điều này? Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Trong thời mạt pháp, khi các kinh pháp diệt hết, ta dùng nguyện lực, đặc biệt lưu trụ kinh này một trăm năm ở đời để tiếp độ chúng sinh, vãng sinh về thế giới Cực lạc.” Đây là điểm có thể chứng minh, Đức Phật A-di-đà với chúng sinh ở thế giới Ta-bà có nhân duyên với nhau. Ngoài ra, chư Phật ở các cõi Tịnh độ khác, mặc dù cũng có một vài bộ kinh lược khuyên chúng sinh cầu sinh,

nhưng không bằng Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà. Cảnh Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà, đã có rất nhiều bộ kinh luận ân cần, dặn dò, khuyến khích chúng sinh phát nguyện vãng sinh.

NGHI VẤN THỨ NĂM

Hỏi: Hàng phàm phu cụ phước, vốn ác nghiệp sâu dày, đầy đủ tất cả phiền não, một chút phiền não cũng chưa đoạn trừ; còn thế giới Tây phương trang nghiêm thanh tịnh, vượt qua tam giới. Như thế làm sao hàng phàm phu cụ phước có thể vãng sinh?

Đáp: Có hai duyên, là tự lực và tha lực. Tự lực là hàng phàm phu cụ phước ở thế giới này tu hành, thật ra chưa có thể vãng sinh về Tịnh độ. Kinh Anh Lạc nói: “Từ địa vị phàm phu cụ phước chưa biết Tam bảo và nhân quả thiện ác, trước nên phát tâm Bồ-đề, phải lấy tín làm gốc, đến khi vào nhà Phật lại lấy giới luật làm đầu. Hàng phàm phu cụ phước này thọ giới Bồ-tát trải qua đời đời kiếp kiếp giữ giới tương tục không gián đoạn, không vi phạm, như thế một đời, hai đời, ba đời mới đến địa vị Sơ phát tâm trụ. Lại tiếp tục tu thập tín, thập Ba-la-mật... cùng vô lượng hạnh nguyện, tương tục không có gián đoạn, mãi một vạn kiếp mới đến được địa vị đệ lục Chánh tâm trụ. Nếu hành giả lại cứ tăng tiến tu hành, thời chúng lên đệ thất Bất thoái trụ, tức

đã nhập vào chủng tánh vị. Nhưng ở địa vị này vẫn chưa được vãng sinh về Tịnh độ. Trên đây là xét theo tự lực.”

Về tha lực, nếu hàng phàm phu cụ phước tin tưởng vào nguyện lực đại bi nhiếp thọ chúng sinh của Đức Phật A-di-đà, rồi phát tâm Bồ-đề, thực hành pháp Niệm Phật Tam-muội, sinh tâm chán lìa thân hữu lậu trong tam giới, mà thực hiện các hạnh bố thí, trì giới, tu phước nghiệp. Ở trong mỗi công đức như thế, đều hồi hướng cầu nguyện khi lâm chung được sinh về thế giới Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà, nương vào nguyện lực của Phật, cơ cảm tương ưng, quyết định lâm chung sẽ được vãng sinh Cực lạc.

Do đó, trong luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa nói: Ở thế giới Ta-bà này, tu hành có hai lỗi, nan hành đạo và dị hành đạo. Nan hành đạo là chúng sinh ở trong cõi ngũ trược ác thế, trải qua vô lượng chư Phật tu hành để cầu ngôi A-bệ-bạt trí, quả thật là khó được. Chướng ngại cho sự tu hành ở cõi này là nhiều như cát bụi nói không thể nào hết. Nay chỉ lược kể ra năm điều:

1. Ngoại đạo đầy dẫy, làm loạn pháp Bồ-tát.
2. Bị kẻ ác nhân vô lại phá hoại công đức tu hành của mình.
3. Bị phước báo làm điên đảo, có thể làm tan nát phạm hạnh.

4. Bị pháp tự lợi của Thanh văn chi phối, làm chướng ngại lòng đại từ.

5. Chỉ có tự lực tu hành, không có tha lực hộ trì, ví như người què chân đi bộ, một ngày nhọc nhằn nhưng chẳng qua được vài dặm. Trên đây là nói về tự lực hành đạo.

Dị hành đạo là hàng phàm phu cụ phược tin tưởng vào lời Phật dạy, tu pháp Niệm Phật Tam-muội, phát nguyện cầu sinh về thế giới Cực lạc, nương vào nguyện lực đại bi của Đức Phật A-di-đà, quyết định khi lâm chung sẽ được vãng sinh, không còn nghi ngờ. Ví như có người nương theo sức thuyền xuôi dòng nước, trong chốc lát có thể đi xa ngàn dặm, đây là tha lực. Ví như người bình thường nương vào luân bảo của Chuyển luân vương, một ngày một đêm có thể đi khắp bốn thiên hạ, đây chẳng phải do sức mình, mà nhờ vào sức của Chuyển Luân Vương.

Cũng có kẻ suy theo lý này mà cho rằng: kẻ phàm phu hữu lậu không thể vãng sinh về Tịnh độ và cũng không thể thấy Phật. Nhưng niệm Phật Tam-muội thuộc về vô lậu thiện căn, kẻ phàm phu hữu lậu tùy vào công đức tu hành của mình, sẽ thấy được thân thô tướng của Phật. Còn bậc Bồ-tát cố nhiên là thấy được thân vi diệu của Phật. Cảnh giới Cực lạc cũng thế, tuy là chỗ khởi của vô lậu thiện căn, nhưng kẻ phàm phu hữu lậu

phát tâm Vô thượng Bồ-đề, cầu nguyện vãng sinh Tịnh độ. Do vì thường tinh tấn niệm Phật, nên chế phục được phiền não, quyết định sẽ được vãng sinh Tịnh độ, tùy phần thấy được thân thô tướng của Phật. Còn Bồ-tát thấy được thân vi tế của Phật. Chỗ này không nên sinh tâm nghi ngờ. Cho nên, trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Tất cả các cõi Phật đều bình đẳng nghiêm tịnh. Chúng sinh hành nghiệp khác nhau, chỗ thấy chẳng đồng nhau.” Câu kinh này là chỉ cho ý nghĩa trên vậy.

NGHI VẤN THỨ SÁU

Hỏi: Giả sử hàng phàm phu cụ phược được sinh về cõi Cực lạc, nhưng tà kiến tam độc... thường khởi làm sao được gọi là “Chúng ngôi bất thoái, vượt lên ba cõi được?”

Đáp: Chúng sinh mỗi khi được sinh về thế giới Cực lạc, thì có được năm nhân duyên làm bất thoái. Thế nào là năm nhân duyên bất thoái?

1. Do nguyện lực đại bi của Phật A-di-đà nhiếp trì nên được bất thoái.

2. Ánh sáng của Phật thường chiếu cho nên tâm Bồ-đề thường tăng tiến bất thoái.

3. Chim, nước, rừng cây, gió, âm nhạc... thường phát ra tiếng khỗ, không, vô thường, vô ngã, hành giả nghe được bèn sinh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, cho nên bất thoái.

4. Cõi Cực lạc thuần là các vị Bồ-tát làm bạn

lữ, không có các cảnh ác, duyên ác, ngoài không có tà ma quỷ thần, trong không có tam độc, phiền não cho nên bất thoái.

5. Mỗi khi được sinh cõi Cực lạc rồi, thời được mạng sống dài lâu, tuổi thọ của chúng sinh bằng với tuổi thọ của chư Phật, Bồ-tát, cho nên được bất thoái.

Ở cõi Ta-bà này, ngày đêm rất ngắn, phiền não đầy dẫy, còn ở Cực lạc, trải qua A-tăng-kỳ kiếp, lại không bao giờ nổi phiền não, an nhiên tu tập, như thế làm sao lại không chứng được Vô sinh pháp nhẫn. Lý này đã hiển nhiên, chúng ta không nên sinh tâm hoài nghi.

NGHI VẤN THỨ BẢY

Hỏi: Bồ-tát Di-lặc là vị Bồ-tát nhất sinh bồ xứ, sắp được thành Phật. Chúng sinh nào tu thượng phẩm thập thiện, sẽ được vãng sinh về cõi Tịnh độ của Ngài. Khi vãng sinh rồi, nương theo ngài hạ sinh nhân gian, trong tam hội quyết chứng được Thánh quả. Như vậy chúng ta cần gì phải phát nguyện cầu sinh về Tây phương Tịnh độ?

Đáp: Cầu sinh Đâu-suất cũng có thể thấy Phật nghe pháp gần giống như cầu sinh về thế giới Tây phương. Nhưng nếu so sánh một cách cận kề, thì có sự hơn kém với nhau rất nhiều. Ở đây xin nêu hai việc để luận bàn.

Giả sử chúng ta có tu thượng phẩm thập thiện, sợ e rằng cũng không thể được vãng sinh. Vì sao biết được như thế. Kinh Di-lặc Thượng Sinh nói: “Hành giả phải tu các môn Tam-muội, chứng sâu vào chánh định mới có thể được vãng sinh.” Lại Bồ-tát Di-lặc không có sức phương tiện tiếp dẫn chúng sinh, không bằng sức bản nguyện và sức quang minh của Phật A-di-đà, nhiếp thủ chúng sinh, niệm Phật không bỏ. Lại khi Đức Thích-ca thuyết về cứu phẩm giáo môn, phương tiện tiếp dẫn, ngài đã nhiều lần ân cần phó chúc, khuyên chúng sinh cầu sinh về thế giới Cực lạc. Chỉ cần chúng sinh phát tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, thời cơ cảm tương ưng, quyết định sẽ được vãng sinh về cõi Cực lạc, như thế giới này chiêu mộ người, mỗi khi cơ hội hợp nhau, liền thành sự việc.

Đâu-suất thiên cung vốn là cảnh trời dục giới, người thói thết rất nhiều. Ở đó, không có cảnh chim, nước, rừng, cây, gió, âm nhạc thường phát ra tiếng khổ, không, vô thường, vô ngã để chúng sinh nghe rồi, đoạn diệt phiền não. Lại có người nữ, gây tăng trưởng tâm ái nhiễm dục lạc của chư Thiên rất nhiều, mà thiên nữ lại sắc đẹp vi diệu, làm chư thiên phần nhiều say đắm, khó có thể tránh khỏi. Cảnh Đâu-suất không bằng cảnh giới Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà. Chim, nước,

rừng, cây, gió, âm nhạc... đều phát ra tiếng pháp, khiến chúng sinh nghe rồi, phát tâm Bồ-đề, sinh lòng nhớ nghĩ Tam bảo, đoạn diệt phiền não. Lại không có cảnh người nữ, kẻ phát tâm nhị thừa, mà thuần nhất là bạn lữ Đại thừa thanh tịnh. Do đó, chúng sinh ở cõi Cực lạc, phiền não ác nghiệp thảy đều không khởi, mau chứng được quả vị vô sinh. So sánh sơ qua như thế, sự hơn thua giữa hai cõi đã quá rõ ràng, thế thì còn gì phải nghi ngờ nữa?

Như khi Đức Phật Thích-ca còn tại thế, có rất nhiều chúng sinh được thấy Phật, số nhiều như hằng sa mà vẫn không chứng đắc được Thánh quả. Đức Di-lặc xuất thế cũng vậy, có rất nhiều chúng sinh được thấy ngài, nhưng vẫn không chứng đắc được Thánh quả. Không bằng như cõi Cực lạc của Đức Phật A-di-đà, chỉ cần chúng sinh mỗi khi đã được vãng sinh về cõi đó, thảy đều chứng được Vô sinh pháp nhẫn, chưa có một người nào trở lại đọa lạc tam giới, bị nghiệp sinh tử trôi buộc.

Lại nghe truyện Tây quốc nói: Có ba vị Bồ-tát là Vô Trước, Thế Thân và Sư Tử Giác. Ba vị này đồng quyết chí nguyện sinh Đâu-suất, mong thấy được đức Di-lặc. Hẹn với nhau rằng, nếu ai viên tịch trước, nếu thấy đức Di-lặc, thì phải trở lại báo tin. Sư Tử Giác viên tịch trước, đã vài năm

rồi mà không thấy trở về báo tin. Sau đó, Thế Thân viên tịch, khi sắp lâm chung, Vô Trước dặn dò: “Em sau khi thấy được đức Di-lặc rồi, liền trở xuống báo tin cho anh ngay.” Thế Thân viên tịch ba năm sau mới trở lại báo tin. Vô Trước bèn hỏi: “Vì sao đã hứa rồi mà ba năm sau mới báo tin.” Thế Thân đáp: “Vừa mới đến thiên cung Đâu-suất, nghe đức Di-lặc thuyết pháp xong, em đi nhiều quanh Ngài ba vòng và trở lại báo tin liền. Do vì ở cõi Đâu-suất thời gian một ngày rất dài, cho nên ở cõi này đã trải qua ba năm.”

Vô Trước lại hỏi: “Su Tử Giác hiện đang ở đâu?” Thế Thân đáp: “Su Tử Giác hiện bị lạc vào Đâu-suất ngoại viện, đang say đắm ngũ dục lạc, từ đó đến nay chưa được thấy đức Di-lặc.” Qua đó cho chúng ta thấy, chư tiểu Bồ-tát sinh về cõi Đâu-suất, còn bị say đắm ngũ dục, hưởng gì là hạng phàm phu. Do vậy mà người tu nên phát nguyện cầu sinh về thế giới Tây phương, quyết định chứng được bất thoái, không nên cầu sinh về cõi Đâu-suất.

NGHI VẤN THỨ TÁM

Hỏi: Chúng sinh từ vô thủy cho đến ngày nay, đã tạo vô lượng ác nghiệp; đời nay từ trẻ tới già, nếu không gặp được Thiện tri thức khuyến bảo, lại còn tạo tất cả mọi tội nghiệp, không có nghiệp ác nào là không tạo, làm sao có thể khi lâm chung có

thể thành tựu mười niệm, liền được vãng sinh. Vượt qua ba cõi như thế, làm sao giải thích cho thông?

Đáp: Chúng sinh từ vô thủy cho đến ngày nay, các nghiệp chủng thiện ác đã tạo, hoặc ít hoặc nhiều, hoặc yếu hoặc mạnh, thấy đều không biết. Nhưng nếu khi lâm chung, gặp được bậc Thiện tri thức khuyến bảo niệm Phật, mà thành tựu mười niệm, đây là do nghiệp lành từ đời quá khứ quá mạnh, mới gặp được Thiện tri thức, thành tựu mười niệm. Nếu người nào ác nghiệp sâu dày, thì làm sao có thể gặp được Thiện tri thức khuyến niệm Phật, huống gì thành tựu mười niệm. Lại ông cho rằng ác nghiệp từ vô thủy đến nay là nặng, còn mười niệm khi lâm chung là nhẹ, nay tôi xin đem ba đạo lý sau, để giải thích cho ông biết rằng, sự vãng sinh không thuộc về trường hợp khinh trọng, không phải tại thời gian lâu hay mau, không phải tại công hạnh nhiều hay ít. Ba đạo lý đó là do bởi tại tâm, bởi duyên và quyết định.

Do bởi tại tâm, là lúc chúng sinh tạo nghiệp đều nương nơi hư vọng điên đảo mà tạo, còn lúc lâm chung niệm Phật, là do nương nơi lời dạy của Thiện tri thức, do nghe công đức danh hiệu chân thật của Phật A-di-đà mà niệm, một bên là hư, một bên là thật, đâu có thể sánh nhau. Thí như có

ngôi nhà tôi đã vạn năm, nếu mỗi khi được ánh sáng mặt trời rọi chiếu vào, thời bóng tôi liền diệt trừ, đâu chẳng phải là do tôi tắm lâu năm mà bóng tôi lại không diệt ư?

Do bởi duyên, là khi chúng sinh tạo nghiệp, do nương nơi tâm si ám điên đảo, duyên với cảnh giới hư vọng mà tạo; còn tâm niệm Phật, là do nghe công đức danh hiệu chân thật thanh tịnh của Phật, duyên với tâm vô thượng Bồ-đề mà niệm, một bên chân, một bên ngụy, đâu có thể so sánh. Ví như người bị trúng độc, tên ghim sâu, sức độc mạnh, xương thịt nhiễm trọng thương, một khi nghe được tiếng trống thần dược, tên độc tự bắn ra, sức độc liền tiêu diệt, đâu chẳng phải vì tên độc sâu nặng mà chẳng chịu bắn ra ư?

Do bởi quyết định, là chúng sinh khi tạo nghiệp đều do nơi gián tâm hoặc hậu tâm, còn lúc lâm chung niệm Phật lại không có gián đoạn tâm hay hậu tâm, ngay khi xả mạng thời thiện tâm rất sắc bén, do đó liền được vãng sinh. Ví như có sợi dây cực to, ngàn người dùng sức bứt không đứt, nếu đưa trẻ cầm gươm chém, tức khắc dây liền đứt đoạn. Lại như đồng củi tích chứa ngàn năm, chỉ cần một đóm lửa nhỏ đốt, tức thời đồng củi sẽ tiêu rụi. Lại như có người trọn đời tu mười nghiệp lành, đáng được sinh thiên, nhưng khi lâm chung do khởi tà kiến điên đảo, tức thời phải

bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Nghiệp ác tuy chỉ hư vọng, nhưng bởi tâm niệm mãnh lợi, còn lấn lướt nghiệp lành một đời, khiến bị đọa lạc, huống gì lúc lâm chung tâm niệm Phật mãnh liệt, lại không thể lấn lướt được nghiệp ác từ vô thủy ư? Cho nên người nào tạo nhiều ác nghiệp, lâm chung thành tựu mười niệm, mà không được vãng sinh, là hoàn toàn không có điều đó.

Kinh nói: “Chỉ tâm niệm một câu hiệu Phật, thời có thể diệt trừ tám mươi ức kiếp tội nặng trong sinh tử.” Do vì hành giả khi niệm Phật, tâm vô cùng mãnh liệt, tâm này sẽ đoạn diệt nghiệp ác, quyết định được vãng sinh, không nên sinh tâm nghi ngờ.

Xưa nay tương truyền, phán định mười nghiệp khi lâm chung thành tựu là hoàn toàn thuộc về biệt thời ý (tức nhân). Điều này hoàn toàn không chính xác. Vì sao biết được như thế? Nhiếp luận nói: “Chỉ do phát nguyện, hoàn toàn không có hành.” Luận Tạp Tập nói: “Nếu ai muốn sinh về cõi nước Cực lạc, thời quyết định được vãng sinh; nếu nghe được danh hiệu Phật Vô Cấu, liền được chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó mới là nhân biệt thời, hoàn toàn không có hạnh.” Nếu ai khi lâm chung, mười niệm không gián đoạn, nghiệp lành vô cùng mãnh lợi, đó mới là biệt thời ý, mong chớ nhận

lầm. Cúi xin các hành giả suy xét thật kỹ càng, tự kiên cố tâm mình chớ tin theo những tà kiến sai lạc, mà tự đọa vào lối mê.

NGHI VẤN THỨ CHÍN

Hỏi: Từ cõi Ta-bà này đến cõi Cực lạc, xa mười muôn ức cõi Phật, hạng phàm phu sức lực yếu kém, làm sao có thể đi đến được. Lại như luận Vãng Sinh nói: “Người nữ, kẻ thiếu căn, chủng tánh nhị thừa không được vãng sinh.” Luận đã nói như thế, thì biết người nữ và kẻ căn thiếu, hạng chủng tánh nhị thừa không được vãng sinh?

Đáp: Đối với tâm lượng và mắt thịt của hạng phàm phu nhọc nhằn trong nẻo sinh tử mà nói vậy thôi. Cảnh giới Cực lạc tuy xa cách đây đến mười vạn cõi Phật, nhưng thật ra nghiệp Tịnh độ của chúng sinh mỗi khi đã thành, khi lâm chung tâm chánh định niệm Phật tức là tâm thọ sinh về Tịnh độ. Vì thế, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: “Cảnh giới Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà cách đây không xa.” Lại nghiệp lực của chúng sinh không thể nghĩ bàn, một niệm tương ứng quyết định được vãng sinh Cực lạc, chớ lo đường xá xa xôi. Ví như người nằm mộng, thân tuy tại giường nhưng tâm thức rong ruổi đến nơi khác khắp mọi thế giới, như lúc đang còn thức không khác. Vãng sinh về cảnh giới Tịnh độ cũng thế, chúng sinh vừa mới động niệm liền đã vãng

sinh, điều này không thể nghi ngờ.

Còn bảo: “Người nữ và kẻ căn thiếu cùng hàng nhị thừa không sinh.” Ý là nói chúng sinh mỗi khi đã được sinh về cõi Cực lạc, thời không còn thọ thân nữ và đui, điếc, câm, ngọng nữa, chứ không phải người nữ và kẻ thiếu căn ở thế giới Ta-bà này không được vãng sinh về cõi Cực lạc. Nếu ai hiểu như thế, tức là kẻ ngu si vô trí, nhận lầm ý kinh. Rõ ràng như hoàng hậu Vi-đề-hy cùng năm trăm thị nữ, ưa muốn sinh về cõi Cực lạc, Phật đều thọ ký cho họ được vãng sinh. Ý Luận là chỉ người nữ và kẻ đui, điếc, câm, ngọng ở cõi này một khi đã được vãng sinh về thế giới Cực lạc rồi liền không thọ thân nữ và thân đui, điếc, câm, ngọng. Hàng nhị thừa chỉ cần hồi tâm cầu nguyện vãng sinh, được sinh về cõi Tịnh độ, liền không có tâm nhị thừa. Cho nên luận Vãng Sinh nói: “Người nữ và kẻ căn thiếu, hàng chúng tánh nhị thừa không sinh” thì chẳng phải là người nữ và kẻ thiếu căn ở cõi Ta-bà này không được vãng sinh về Tịnh độ. Vì thế, trong bốn mươi tám đại nguyện của Đức Phật A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ nói: “Như tôi đắc quả Phật, tất cả người nữ ở thế giới mười phương, xưng danh hiệu tôi, chán ghét thân nữ, nếu sau khi mạng chung, lại còn thọ thân nữ, thời tôi nguyện không thành chánh giác.” Xưng danh hiệu còn

không thọ thân nữ, huống gì là người nữ, kẻ thiếu căn sau khi đã được vãng sinh, lại còn thọ thân nữ và thiếu căn nữa ư?

NGHI VẤN THỨ MƯỜI

Hỏi: Nay tôi phát nguyện cầu sinh cõi Cực lạc, nhưng không biết hiện tại phải tu nghiệp gì, gieo trồng chủng tử nào, để được vãng sinh? Lại kẻ phạm tu tục tử vốn có vợ con, chưa đoạn hẳn được dâm dục, thì có được vãng sinh về cõi Cực lạc hay không?

Đáp: Người nào muốn được vãng sinh về cõi Cực lạc, thì phải đủ hai hạnh, chắc chắn được vãng sinh về nước đó. Hai hạnh là yêm ly và Hân nguyện.

1. Nếu nói yêm ly, là kẻ phạm phu từ vô thỉ cho đến ngày hôm nay, thường bị ngũ dục lôi cuốn, khiến phải luân hồi trong lục đạo, phải chịu vô vàn sự thống khổ. Nếu không khởi tâm chán lìa ngũ dục, thì không có lúc nào mới mong ra khỏi. Do vậy, phải thường quán sát thân này chỉ là một khối xương, thịt, máu mủ, là nơi chứa đựng các thứ bất tịnh, như uế. Vì thế, kinh Niết-bàn nói: “Thân này chỉ có loài ngu si La-sát mới ở trong đó. Ai là người có trí mà lại yêu thích thân này.” Lại trong kinh cũng nói: “Thân này là nơi tập hợp của các khổ, hết thấy đều là bất tịnh, là một khối ung nhọt... Xét cho cùng, nó không có

ích lợi gì. Thậm chí cho đến thân của chư Thiên, nó cũng đều là như vậy cả.” Vì vậy, người tu hành lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều quan sát thân này như vậy cả, chỉ có khổ, hoàn toàn không vui, mà sinh niệm chán lìa cùng tột, dù việc dâm dục chưa thể dứt ngay, dần dần sinh niệm xa lìa.

Lại người tu thường nên quan sát bảy pháp bất tịnh. Bảy pháp đó là:

Quán thân dâm dục này, vốn do từ phiền não tham ái mà sinh, đây là chủng tử bất tịnh.

Khi cha mẹ giao hợp, tinh cha huyết mẹ cùng hòa hợp, đây là chỗ thọ sinh bất tịnh.

Khi ở trong thai mẹ, thai nhi nằm dưới ruột non trên ruột già, đây tức là trụ xứ bất tịnh.

Khi ở trong thai mẹ, chỉ ăn toàn máu huyết của mẹ, tức là thực đạm bất tịnh.

Khi đủ ngày tháng, đầu hướng về nơi sản môn của mẹ, ra khỏi bụng mẹ thì máu mủ cùng ra, hôi như đầy rẫy, đây chính là sơ sinh bất tịnh.

Trong lớp da mỏng bao bọc, nhục thân máu mủ bao khắp, đây tức là toàn cơ thể bất tịnh.

Sau khi chết rồi, xương thịt sinh thối, làm thức ăn cho quạ diều, đây tức là cứu cánh bất tịnh.

Thân mình đã như thế, thân người khác cũng như vậy. Đối với chỗ đắm trước vào cảnh giới, thân nam nữ... sinh tâm chán lìa vô cùng, thường quán bất tịnh. Nếu ai thường quán thân bất tịnh

như thế, thì dâm dục phiền não sẽ dần dần hoại diệt. Lại nên quán mười tướng, rộng như kinh đã nói. Lại nên phát nguyện: nguyện ta vĩnh viễn xa lìa thân nam nữ mê nhiễm ngũ dục, thân tạp thực máu mủ như uế bất tịnh của ba cõi, nguyện ta mau được pháp tánh sinh thân của cõi Tịnh độ. Trên đây là hạnh yếm ly.

Hân nguyện, đại khái có hai điều, là phải nhận rõ mục đích cầu sinh và quán sát, y chánh trang nghiêm của thế giới Cực lạc, để sinh tâm ưa thích vãng sinh.

Phải nhận rõ mục đích cầu sinh Tịnh độ. Sở dĩ chúng ta cầu sinh về cõi Tịnh độ, là vì muốn cứu bạt tất cả mọi khổ não của chúng sinh. Tự suy nghĩ rằng: Ta nay hiện không đủ sức để cứu bạt. Nếu ở tại thế giới Ta-bà này, cảnh phiền não lầy lừng, bản thân lại bị nghiệp hoặc ràng buộc, khiến trôi lăn trong tam đồ, trải qua vô số kiếp. Sự luân hồi như thế, từ vô thủy cho đến ngày nay chưa có lúc nào tạm dừng. Như thế thì khi nào mới có thể cứu bạt tội khổ chúng sinh. Do vậy, nay ta cầu về cõi Tịnh độ, để được thân cận với Phật, sau khi chứng Vô sinh pháp nhẫn rồi, mới có thể ở trong ác thế cứu khổ chúng sinh. Vì vậy, trong luận Vãng Sinh nói: “Nói việc phát tâm Bồ-đề chính là phát tâm cầu thành Phật, phát tâm cầu thành Phật chính là phát tâm độ chúng sinh,

phát tâm độ chúng sinh chính là phát tâm nhiếp chúng sinh về cõi Phật.”

Lại muốn vắng sinh về Tịnh độ, cần phải có đủ hai hạnh. Đó là cần nên lìa ba pháp chướng Bồ-đề và nên chúng ba pháp thuận Bồ-đề.

Thế nào là ba pháp chướng Bồ-đề?

1. Nương theo trí tuệ mà không tìm cầu sự an lạc cho chính bản thân, xa lìa thân chấp ngã và đắm trước tự thân.

2. Nương vào tâm từ bi, phát tâm cứu độ hết thảy mọi khổ não của chúng sinh nên xa lìa hẳn tâm không tạo an lạc cho chúng sinh.

3. Nương vào phương tiện mà sinh tâm thương xót tất cả chúng sinh, muốn cho chúng sinh niềm an lạc, nên xả ly tâm mong cầu cung kính cúng dường bản thân. Nếu ai có thể xa lìa ba pháp chướng Bồ-đề, thì sẽ chúng đắc được ba pháp thuận Bồ-đề.

Thế nào là ba pháp thuận Bồ-đề?

1. Sinh tâm thanh tịnh vô nhiễm, không vì tự thân mà tìm cầu các sự an lạc. Bởi Bồ-đề là sự thanh tịnh vô nhiễm. Nếu vì tự thân mà tìm cầu sự an lạc tức là tâm ô nhiễm, chướng ngại Bồ-đề. Đây là tâm thanh tịnh vô nhiễm, là pháp thuận Bồ-đề.

2. Tâm thanh tịnh an ổn, vì cứu vớt tất cả khổ nạn cho chúng sinh. Tâm Bồ-đề chính là chỗ làm

thanh tịnh an ổn cho tất cả chúng sinh, nếu không phát tâm cứu bạt tất cả mọi khổ não sinh tử cho chúng sinh, tức là trái ngược với Bồ-đề. Đây tức là tâm thanh tịnh an ổn, là pháp thuận với Bồ-đề.

3. Tâm thanh tịnh an lạc, vì muốn làm cho tất cả chúng sinh chứng đắc đại Bồ-đề Niết-bàn. Bởi đại Bồ-đề Niết-bàn là chỗ cứu cánh an lạc, nếu không phát tâm làm cho tất cả chúng sinh đạt đến sự an lạc cứu cánh, tức là đóng ngăn cửa Bồ-đề.

Làm thế nào để thành tựu nhân Bồ-đề này? Là cần gây nhân cầu sinh Tịnh độ, thường không xa rời Phật, sau khi đã chứng được Vô sinh pháp nhẫn rồi, bèn trở lại trong sinh tử, cứu độ chúng sinh, vận dụng bi trí tự tại vô ngại. Đó chính là tâm Bồ-đề. Tất cả mấy điểm trên đây là nói về cầu sinh Tây phương.

2. Nói về tâm Hân nguyện: Hân nguyện là tâm ưa muốn cầu vãng sinh Tịnh độ. Hành giả nên khởi lòng quan sát hoặc pháp thân, hoặc Báo thân của đức Phật A-di-đà. Thân Ngài có ánh sáng sắc vàng, có tám vạn bốn ngàn tướng hảo. Trong mỗi tướng hảo có tám vạn bốn ngàn tùy hình. Trong mỗi tùy hình phát ra tám vạn bốn ngàn tia sáng, thường chiếu khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sinh niệm Phật không bỏ. Lại nên quán tướng bảy báu trang nghiêm rực rỡ của thế giới Cực lạc, đầy đủ như trong các kinh Vô

Lượng Thọ, Quán Vô Lượng thọ,... đã trình bày. Lại thường thực hành pháp Niệm Phật Tam-muội, cùng bố thí, trì giới, tu tạo tất cả mọi công đức lành. Hết thấy đều đem hồi hướng cho khắp tất cả pháp giới chúng sinh đồng sinh Tây phương, thì quyết định người ấy sẽ được sinh. Mấy điểm trên đây là giải thích về tâm Hân nguyện.

LUẬN BÀN VỀ TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

LỜI BẠT

*Đời Tông Tuyên nghĩa lang
Trần Quán soạn.*

Tâm con người vốn vô thường, nên pháp cũng bất định. Tâm và pháp tuy sai biệt nhưng đồng nhất lý tánh. Tin lý tánh này là chánh tín, cho nên kinh Hoa Nghiêm nói Thập tín. Nghi lý tánh này là mê tín, vì vậy, Trí Giả nói Thập nghi. Ra khỏi nghi vào tín, một lần vào là vĩnh viễn không lìa lý tánh mà chứng đạt chỗ cứu cánh.

Cảnh giới Tịnh độ chính là chỗ cứu cánh. Ở cõi này có vị giáo chủ tên là Vô Lượng Thọ. Ngài thường thuyết pháp không lúc nào gián đoạn. Nghi làm chướng ngại tai mình, nên điếc mà

không nghe. Nghi làm chướng ngại tâm mình, nên mờ mịt không hiểu.

Kẻ đã không nghe không hiểu, thì thường an trú trong tập quán ác. Kẻ đó khen ngợi sự biếng nhác, tùy hỷ với tâm phiền não. Điên đảo chỉ thai sen là hư dối, không thật, rốt cục không rõ được thân phần đoạn này do đâu mà có, từ đâu mà đến.

Ngục tù uế độ, an trụ vĩnh viễn, tin vào nghiệp thức, tự xa lìa chân lý, ở trong cảnh huyễn mê chấp kia, đời đời bản tánh không linh hiển, muôn kiếp đường Thánh tuyệt lộ. Do bởi như thế, Đức Thích-ca Như Lai khởi tâm đại bi thương xót, thị hiện vào cõi uế độ, phát âm thanh pháp to lớn, tán thán mọi sự trang nghiêm vi diệu của cõi Cực lạc.

Ở trong biển sinh tử, làm vị đại thuyền trưởng, chở đầy thuyền pháp để vớt chúng sinh đưa vào bờ Tịnh độ, ngày đêm miệt mài độ sinh, không có lúc nào gián đoạn.

Nhưng Tịnh độ của Di-đà vốn không có bờ này, bờ kia. Thuyền của Đức Thích-ca thật sự chẳng qua, chẳng lại. Ví như ánh sáng ngọn đèn, phóng ra xung quanh tám tám gương, mặt gương tuy có Đông, Tây nhưng ánh sáng chỉ là một. Đức Di-đà thuyết pháp biến khắp trong ánh sáng, nhưng Đức Thích-ca dùng phương tiện chỉ bày duy nhất tám gương phía Tây. Cho nên chúng

sinh một khi qua bờ giác rồi, thời có thể quên bỉ thử. Nhưng khi chưa nhập pháp giới, tất nên định hướng Đông, Tây. Ở trong pháp tu hành, nếu chưa đạt đến cứu cánh, thì đừng chấp bỉ thử, chớ phân rộng hẹp, chỉ cần chánh niệm tỉnh giác, một lòng tin tưởng mà thôi. Ý của hai vị Thánh đây, kẻ trí giả cần phải thực hiện.

Tín là mẹ của vạn điều thiện, nghi là cội gốc của muôn điều ác. Nếu ai phát triển công đức lành, tất có thể diệt trừ các tội ác, Chúng sinh nếu đầy chướng duyên, y theo pháp niệm Phật tu hành, thì điếc có thể nghe, mê có thể hiểu, chưa ra khỏi sinh tử mà đã xuất ly, chưa sinh về Tịnh độ mà đã có mặt ở Liên Trì, để rồi vâng theo lời dạy của Đức Thích-ca, đến ra mắt Đức Di-đà, trở lại Ta-bà trợ giúp Đức Thích-ca, ở cõi Tịnh độ mà phân thân khắp mười phương, tức là ngọn đèn ở phương Tây mà chiếu rọi các kính. Pháp môn này kể từ khi hai vị Thánh kiến lập đến nay, số người chứng đắc như thế nhiều như số cát sông Hằng, làm sao lại không tin, làm sao lại nghi ngờ. Mỗi khi đã có tín tâm rồi, lại dùng sức phương tiện, hóa độ chúng sinh, làm cho người chưa tín tâm không thể không tín tâm. Đây là chỗ nên làm của kẻ đại trí. Bài văn Tịnh độ Thập Nghi của đại sư Trí Giả soạn, kẻ trí học đạo, không thuận theo văn Ngài mà thuận theo tâm đại bi của Ngài. Vì vậy

lại ấn tống bản luận văn này, trước đã có Thứ công đề tựa, tôi lại hết sức mình, để trợ giúp cho việc truyền bá bản văn Tịnh độ Thập nghi này.